

8. Động từ khiếm khuyết

Bài tập 1: Chọn động từ khiếm khuyết thích hợp.

Đáp án

1. **should**
2. **needn't**
3. **can't** (hoặc "mustn't" nếu mang nghĩa cấm đoán tuyệt đối, nhưng ở đây "can't" → không thể mở, vì nó khóa)
4. **Could** (hoặc "May," cả hai đều lịch sự)
5. **Will** (hỏi dự đoán mang tính chắc chắn hơn)
6. **shouldn't**
7. **Could** (lịch sự)
8. **can't**
9. **would**
10. **mustn't**
11. **might**
12. **should** (ý nghĩa khuyên hoặc "must" nếu muốn nhấn mạnh bắt buộc)
13. **Could** (rất lịch sự)
14. **should**

Bài tập 2: Viết lại câu sao cho nghĩa không đổi, Viết lại mỗi câu bằng cách sử dụng động từ khiếm khuyết khác, nhưng ý nghĩa tương đương. Ví dụ: "can" ↔ "be able to," "mustn't" ↔ "cannot," "should" ↔ "ought to," "needn't" ↔ "don't have to," v.v.

Đáp án

1. He **is able to** speak three languages.
2. You **can't/mustn't** open this box. (Nếu câu gốc là "You must not open this box," ta có thể viết lại thành "You can't open this box.")
3. We **may** watch a film tonight. ("might" ↔ "may," cùng chỉ khả năng)
4. You **needn't** wear a suit if you don't want to.
5. She **can** solve this puzzle easily. ("is able to" ↔ "can")
6. I **must not** finish all this food. (Nếu câu gốc là "I cannot finish...", thì có thể viết "I'm not able to finish...")
7. We **have to** leave now or we'll miss the train. ("must" ↔ "have to")
8. He **was able to** ride a bicycle when he was five.
9. You **should** apologize to her for being late. ("ought to" ↔ "should")

Bài tập 3: Điền động từ khiếm khuyết vào chỗ trống.

Đáp án

1. You **shouldn't / mustn't** drive so fast. ("mustn't" = cấm đoán mạnh, "shouldn't" = lời khuyên)
2. He **should / ought to** go to bed early.
3. You **mustn't** show it to anyone.
4. We **can / could / might** go to the cinema tonight if we finish our work.
5. It **might / may** rain this evening.
6. They **can** buy that new car if they want to.
7. You **had better / should** go home and rest.
8. I **must** have left them in the car. ("must have left" chỉ suy đoán chắc chắn trong quá khứ)

9. You **needn't** bring an umbrella. ("*needn't*" = không cần thiết)
10. He **should / ought to** learn more languages.
11. My parents said I **must** be home by 10 p.m.
12. She **should** see a doctor.

Bài tập 4: Điền "needn't" hoặc "had better / had better not" vào chỗ trống.

Đáp án

1. **had better not** forget your umbrella.
2. **needn't** worry too much about the exam.
3. **had better** wear a thicker coat.
4. **needn't** tidy up until tomorrow.
5. **had better** go home soon if you don't want to miss the bus.
6. **needn't** buy any more.
7. **had better** turn down the heat.
8. **had better not** drive in this weather if it's not an emergency.

Bài tập 5: Viết lại câu theo gợi ý

Đáp án (có thể linh hoạt)

1. We **needn't** prepare too much food because the party is canceled.
2. You **had better** take your cat to the vet if it's unwell.
3. You **had better not** go out now; it's going to rain.
4. You **needn't** study together tonight because there's no test tomorrow.
5. You **had better** bring a raincoat because the forecast says it will rain.
6. You **had better not** drive on that road because it's damaged.

Bài tập 6: Hoàn thành đoạn hội thoại

Đáp án

- Do you think I **should** buy this new phone?
- You **had better** consider your budget first.
- I **mustn't / shouldn't** spend too much...
- You **could / should** wait for a sale...
- Do you think I **ought to** walk home?
- You **had better** take a bus instead.
- I **must / need to** find an ATM first.
- You **should** hurry before it gets dark.

Bài tập 7: Chọn động từ khiếm khuyết đúng với tình huống.

Đáp án

1. C. "Shall I carry those books for you?" (Rất lịch sự, đề nghị giúp đỡ)
2. C. "We **had better** fill up the tank before continuing." (Lời khuyên mạnh)
3. B. "I **shouldn't** go..." (Mức độ nhẹ nhàng; "mustn't" = cấm tuyệt đối; "might not" = có lẽ không)
4. A. "We **should** bring an umbrella." (Lời khuyên nhẹ, hợp lý)
5. B. "He **might** be in his office now." (Phỏng đoán không chắc)
6. C. "You **mustn't** enter this restricted area." (Cấm đoán mạnh, không được phép)